TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày 30/01/2018.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Liên.
2. Trần Thị Mai Thu.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 48/2017/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXXST-DS ngày 12/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST- DS ngày 28/12/2017. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N.

Địa chỉ : Thôn 15, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N trình bày như sau:

Do quen biết nên vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P có vay vợ chồng ông, bà số tiền cụ thể như sau:

Ngày 30/3/2015 vay 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng); Ngày 19/8/2015 vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Ngày 28/10/2015 vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và một số lần vay không có giấy tờ. Sau đó hai bên đối chiếu số nợ thì vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P còn nợ vợ chồng ông, bà tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) theo giấy nhận nợ tiền hai bên đã chốt nợ ngày 30/01/2016, hạn trả trong vòng 10 ngày, đến hạn vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P không trả và bỏ đi khỏi địa phương. Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P trả đủ số nợ 300.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng trên số nợ gốc tính từ ngày 11/02/2016 cho

đến nay lấy tròn là 33 tháng (từ ngày 11/02/2016 ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến ngày xét xử sơ thẩm 30/01/2018).

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P vắng mặt, việc vắng mặt của vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P đã được Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 02/2017/QĐST-VDS ngày 20/3/2017 đối với ông T, bà P có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P đã được Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 02/2017/QĐST-VDS ngày 20/3/2017 đối với vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, hôm nay Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26,; khoản 1 Điều 147, Điều 162 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, Điều 290, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N số tiền gốc là 300.00.000 đồng và 74.250.000 đồng tiền lãi suất (300.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 33 tháng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi suất là 374.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì: "*.. Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được*

ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;"..;

Như vậy, vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Đồng thời người khởi kiện cũng đã làm đầy đủ thủ tục tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

Vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N 03 đợt có giấy vay tiền cụ thể: Ngày 30/3/2015 vay 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng); Ngày 19/8/2015 vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Ngày 28/10/2015 vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và một số lần vay không có giấy tờ. Sau đó hai bên đối chiếu số nợ và đi đến thỏa thuận thống nhất vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P còn nợ vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N theo giấy nhận nợ tiền hai bên đã chốt nợ ngày 30/01/2016 tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), hạn trả trong vòng 10 ngày, nhưng vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P không trả mà bỏ đi khỏi địa phương.

Qua kết quả giám định chữ ký trên giấy vay nợ do ông Nguyễn Xuân D cung cấp với chữ ký của vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P đã được thu thập, cơ quan chức năng đã kết luận là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và kết quả Giám định chữ ký và chữ viết. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P cùng với vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N xác lập giao dịch vay tiền là có thật, theo như nguyên đơn trình bày là có cơ sở, phù hợp quy định tại các Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cần buộc vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N số tiền gốc là 300.00.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

-*Về lãi suất*: Khi thực hiện giao dịch hai bên có tính lãi suất, nhưng chỉ ghi chung chung là lãi suất theo quy định. Xét yêu cầu tính lãi suất của vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N là 0,75%/ tháng trên số tiền gốc là 300.00.000 đồng (từ ngày 11/02/2016 ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm 30/01/2018 lấy tròn là 33 tháng) là phù hợp cần chấp nhận, cụ thể: 300.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 33 tháng = 74.250.000 đồng.

Như vậy, vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P phải trả cho ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N số tiền gốc và lãi suất là 374.250.000 đồng (ba trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P phải chịu 18.712.500 đồng (mười tám triệu bảy trăm mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N.

[4] Về chi phí giám định: Vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N số tiền: 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26,; khoản 1 Điều 147, Điều 162 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, Điều 290, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N.

1. Buộc vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N số tiền gốc và lãi suất là 374.250.000 đồng (ba trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P phải chịu 18.712.500 đồng(mười tám triệu bảy trăm mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N số tiền 8.917.500 đồng (tám triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (người ký nộp tiền Nguyễn Xuân D) theo biên lai số 003656 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về chi phí giám định: Vợ chồng ông Lê Văn T và bà Đinh Thị Kim P phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Phùng Thị N số tiền: 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

+ Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.
(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**